

## QUY ĐỊNH

### **Xây dựng ngân hàng câu hỏi và ngân hàng đề thi**

*(Ban hành theo Quyết định số 245 /QĐ-CĐCNNĐ ngày 13 tháng 3 năm 2014  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định)*

## PHẦN THỨ NHẤT

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định áp dụng cho công tác biên soạn, hiệu chỉnh, thẩm định ngân hàng câu hỏi (NHCH), ngân hàng đề thi (NHĐT) sử dụng nội bộ cho giảng viên và học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định.

2. NHCH, NHĐT biên soạn, hiệu chỉnh để đánh giá những kiến thức, kỹ năng của học sinh, sinh viên đã được học tập theo chương trình đào tạo các bậc: Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và Dạy nghề.

#### **Điều 2. Một số khái niệm**

1. Ngân hàng câu hỏi trong quy định này là tổ hợp những câu hỏi lý thuyết và câu hỏi thực hành kèm đáp án, thang điểm chi tiết của các học phần, môn học, module.

2. Ngân hàng đề thi trong quy định này là tổ hợp những đề thi lý thuyết và đề thi thực hành kèm đáp án, thang điểm chi tiết của các học phần, môn học, module.

## PHẦN THỨ HAI

### XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI

#### Chương I

#### NỘI DUNG, QUY CÁCH TRÌNH BÀY

#### **Điều 3. Yêu cầu về nội dung NHCH**

1. Các dữ kiện của câu hỏi phải đầy đủ, hợp lý; kiểm tra được những kiến thức cơ bản, khả năng vận dụng và kỹ năng thực hành của học sinh trong phạm vi chương trình của môn học, phù hợp với trình độ chung của học sinh, sinh viên (HSSV).

2. Nội dung các câu hỏi, bài tập và đáp án phải đảm bảo bám sát đề cương môn học đã được Hội đồng KH&ĐT trường thông qua, Hiệu trưởng Quyết định ban hành sử dụng và có tính khoa học: logic, chính xác, chặt chẽ, rõ ràng và không sai sót về văn phong và chuyên môn.

3. Các câu hỏi, bài tập không trùng lặp, có tính hệ thống phản ánh được toàn bộ nghiệp vụ, nội dung chính của môn học, không vụn vặt, rời rạc; NHCH phải đảm bảo xây dựng được cấu trúc đề thi thang điểm 10 (hoặc qui được về thang điểm 10), nội dung trải đều kiến thức học phần và phải tổ hợp được tối thiểu 3 đề thi (riêng đối với NHCH thi vấn đáp tối thiểu là 10 đề thi).

4. Dung lượng kiến thức trong mỗi câu hỏi, bài tập tương ứng với số điểm và phù hợp với thời gian làm bài.

5. Mỗi câu hỏi trong NHCH phải được định số điểm, phải có các câu hỏi nhiều loại biểu điểm khác nhau (hạn chế ra các câu hỏi chỉ có một loại biểu điểm duy nhất).

#### **Điều 4: Quy cách trình bày NHCH**

##### **1. Đối với NHCH thi tốt nghiệp**

###### *a. Loại câu hỏi:*

Để thuận tiện cho việc lựa chọn câu hỏi và bài tập tổ hợp thành đề thi, khi tiến hành xây dựng NHCH các đơn vị phải xây dựng các loại câu hỏi, bài tập với thời gian có thể là: 15', 30', 45', 60', 90',... tùy theo từng môn, nội dung bài làm dài hay ngắn, mức độ khó hay dễ... nhưng nhất thiết là phải tổ hợp được đề thi về điểm (thang điểm 10 hoặc qui được về thang điểm 10).

Số lượng câu hỏi (kèm đáp án, thang điểm chi tiết) mức tối thiểu như sau:

Số lượng câu hỏi của NHCH	Số học trình quy định của môn học			
	1-2	3	4	≥ 5
Tự luận	10	15	20	30
Trắc nghiệm	90	120	150	180

*Ghi chú: Đối với những môn thực hành các Tiểu ban xây dựng đề thi (phần NHĐT)*

###### *b. Về hình thức trình bày:*

- Các bộ NHCH đóng quyển, bìa màu, trình tự như sau:

+ Trang 1-2: Các trang bìa theo qui định (*Phụ lục - Mẫu 01: Bìa NHCH thi TN*)

+ Trang 3-4: Mục lục và cấu trúc đề thi, số lượng câu hỏi, điểm số câu hỏi (*Phụ lục - Mẫu 02: Cấu trúc thiết lập đề thi TN*)

+ Các trang tiếp theo là nội dung các câu hỏi, nội dung đáp án, biểu điểm, trang cuối có chữ ký của người biên soạn, xác nhận của Tổ trưởng chuyên môn, Khoa chuyên môn. (*Phụ lục - Mẫu 03: Nội dung NHCH thi TN*)

- Font chữ dùng trong các bộ NHCH là Times New Roman, kiểu chữ Regular, cỡ chữ 13, định dạng và căn chỉnh theo qui định về thể thức văn bản (Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011).

###### *c. Về đáp án NHCH thi tốt nghiệp:*

- NHCH phải có đáp án chi tiết, trình bày đầy đủ nội dung hoặc cách làm.

- Trong đáp án xác định điểm tổng của từng câu hỏi hoặc từng bài tập, làm chi tiết cho từng ý (thang điểm tính đến 0,25 nếu có thể).

## 2. Đối với NHCH thi kết thúc học phần, môn học, module

Để thuận tiện cho việc lựa chọn câu hỏi và bài tập tổ hợp thành đề thi, khi tiến hành xây dựng NHCH các đơn vị phải thực hiện như sau: Xây dựng các loại câu hỏi, bài tập với thời gian có thể là: 15', 30'; 45', 60', 90',... tùy theo từng môn, nội dung bài làm dài hay ngắn, mức độ khó hay dễ... nhưng nhất thiết là phải tổ hợp được đề thi về điểm (thang điểm 10 hoặc qui được về thang điểm 10),

a. Về loại câu hỏi tự luận, trắc nghiệm khách quan, kết hợp tự luận với trắc nghiệm khách quan, vấn đáp và thực hành:

Số lượng câu hỏi (kèm đáp án, thang điểm chi tiết) mức tối thiểu như sau:

- NHCH trắc nghiệm khách quan:

TT	Nội dung	Số tín chỉ (học trình) quy định của học phần, môn học, module		
		1÷2	3	≥ 4
	<b>Số lượng câu hỏi của NHCH</b>	90	120	150

- NHCH tự luận:

TT	Nội dung	Số tín chỉ (học trình) quy định của học phần, môn học, module			
		1-2	3	4	≥ 5
	<b>Số lượng câu hỏi của NHCH</b>	15	25	30	40

- NHCH tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan (chỉ dùng cho bộ môn Ngoại ngữ):

TT	Nội dung	Số tín chỉ (học trình) quy định của học phần, môn học, module		
		1-2	3	≥ 4
	<b>Số lượng câu hỏi của NHCH</b>			
	Trắc nghiệm	80	100	120
	Tự luận	15	20	30

- NHCH thi vấn đáp

TT	Nội dung	Số tín chỉ (học trình) quy định của học phần, môn học, module		
		1-2	3	≥ 4
	<b>Số lượng câu hỏi của NHCH</b>	30	45	60

- Môn thi thực hành

Khoa và Bộ môn xây dựng theo hình thức là các đề thi (phần NHĐT).

b. Về hình thức trình bày:

- Các bộ NHCH đóng quyển, bìa màu, trình tự như sau:

+ Trang 1-2: Các trang bìa theo qui định (*Phụ lục - Mẫu 04: Bìa NHCH thi kết thúc HPMHMD*)

+ Trang 3-4: Mục lục và số lượng câu hỏi, điểm số câu hỏi (*Phụ lục - Mẫu 05: NHCH tự luận, thực hành, vấn đáp thi kết thúc HPMHMD; Mẫu 06: NHCH trắc nghiệm thi kết thúc HPMHMD*)

+ Các trang tiếp theo là nội dung các câu hỏi, nội dung đáp án, biểu điểm, trang cuối có chữ ký của người biên soạn, xác nhận của Tổ trưởng chuyên môn, Khoa chuyên môn (*Phụ lục - Mẫu 07: Nội dung câu hỏi, đáp án NHCH thi kết thúc HPMHMD*)

- Phong chữ dùng trong các bộ NHCH là Times New Roman, kiểu chữ Regular, cỡ chữ 13, định dạng và căn chỉnh theo qui định về thể thức văn bản (Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011).

c. *Đáp án NHCH thi kết thúc học phần, môn học, module:*

- Đáp án NHCH thi kết thúc học phần, môn học, module như đối với NHCH thi tốt nghiệp.

## Chương II

### QUY TRÌNH XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI

#### Điều 5. Quy trình xây dựng NHCH

**a. Bước 1:** Khoa đăng ký xây dựng (xây dựng mới, điều chỉnh, bổ sung) các bộ NHCH cho các học phần, môn học, module về phòng QLKH&ĐBCL.

**b. Bước 2:** Phòng QLKH&ĐBCL tập hợp trình Hội đồng KH&ĐT nhà trường xét duyệt các học phần, môn học, module được xây dựng bộ NHCH của các khoa.

**c. Bước 3:** Khoa ký hợp đồng xây dựng NHCH đã được xét duyệt với Hiệu trưởng.

**d. Bước 4:** Khoa và tổ bộ môn thành lập các Tiểu ban xây dựng gồm Trưởng tiểu ban, Thư ký và các thành viên.

**e. Bước 5:** Các Tiểu ban xây dựng căn cứ vào mục tiêu, nội dung, đặc điểm và yêu cầu của học phần, môn học, module để xây dựng hệ thống NHCH cho phù hợp.

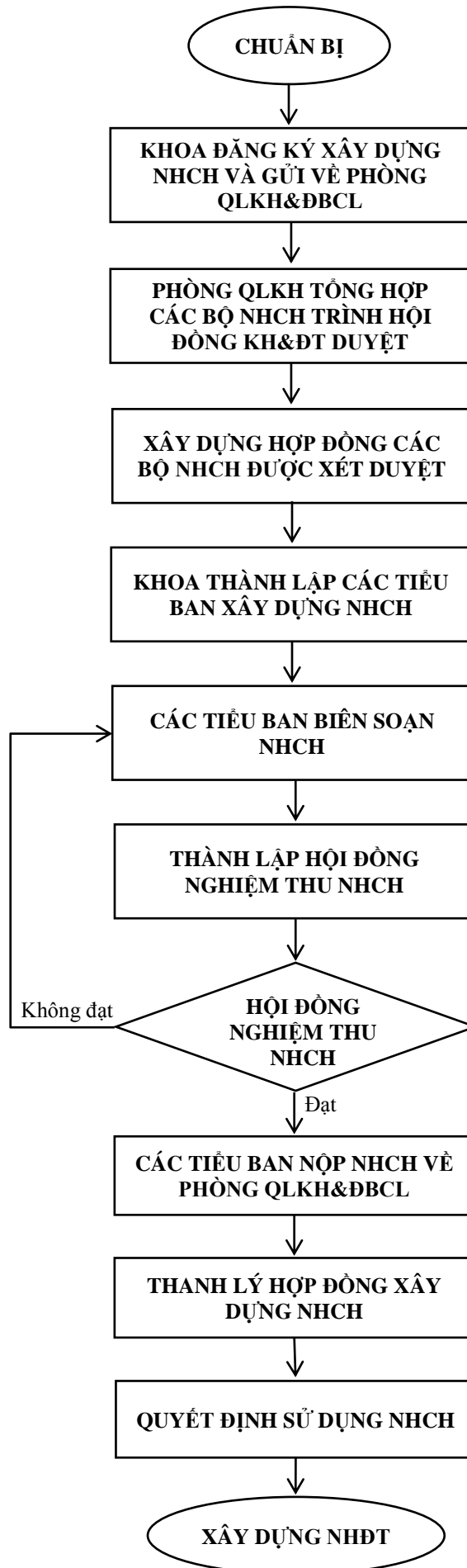
**f. Bước 6:** Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Hội đồng để đánh giá nghiệm thu các bộ NHCH.

**g. Bước 7:** Các Tiểu ban xây dựng hoàn chỉnh NHCH được nghiệm thu đạt theo sự góp ý của các thành viên Hội đồng nghiệm thu và nộp sản phẩm về phòng QLKH&ĐBCL (gồm quyển và file) để lưu trữ. Các bộ NHCH nghiệm thu không đạt được chỉnh sửa để nghiệm thu lại một lần (thời hạn chỉnh sửa tối đa là 01 tháng).

**h. Bước 8:** Thanh lý hợp đồng xây dựng NHCH (Phòng QLKH&ĐBCL phối hợp với các phòng, khoa hoàn thiện các thủ tục).

**i. Bước 9:** Quyết định của Hiệu trưởng về sử dụng chính thức các bộ NHCH.

## SƠ ĐỒ QUY TRÌNH XÂY DỰNG NHCH



**Điều 6. Quản lý, sử dụng NHCH thi tốt nghiệp và thi kết thúc học phần, môn học, module:**

1. NHCH thi tốt nghiệp, thi kết thúc học phần được lưu tại phòng QLKH&ĐBCL gồm bản in (đóng quyển theo yêu cầu) và file (ghi đĩa CD).

2. Khi sử dụng NHCH để xây dựng đề thi, cán bộ xây dựng đề thi phải ký sổ giao/nhận các bộ NHCH cần sử dụng với phòng QLKH&ĐBCL.

3. NHCH được công bố công khai để HSSV tự tiếp cận, nghiên cứu, tự đánh giá mức độ tiếp thu môn học.

**Chương III**

**ĐỊNH MỨC QUY ĐỔI NGÂN HÀNG CÂU HỎI**

**Điều 7. Quy đổi NHCH ra giờ chuẩn**

**1. Quy đổi NHCH tốt nghiệp**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Giờ chuẩn</b>
	<i>Câu hỏi lý thuyết</i>	
1	Soạn 01 câu hỏi tự luận có đáp án chi tiết, thời gian và thang điểm	0,2
2	Soạn 01 câu hỏi trắc nghiệm có đáp án, thời gian và thang điểm	0,1

**2. Quy đổi NHCH thi kết thúc học phần, môn học, module**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Giờ chuẩn</b>
	<i>Câu hỏi lý thuyết</i>	
1	Soạn 01 câu hỏi tự luận có đáp án chi tiết, thời gian và thang điểm	0,1
2	Soạn 01 câu hỏi trắc nghiệm có đáp án, thời gian và thang điểm	0,05
3	Soạn 01 câu hỏi vấn đáp có đáp án, thời gian và thang điểm	0,05

*Ghi chú: Phụ trách nhóm xây dựng NHCH tính toán phân bổ khối lượng phù hợp cho các thành viên tham gia*

**PHẦN THỨ BA**  
**NGÂN HÀNG ĐỀ THI**

**Chương I**  
**NỘI DUNG, QUY CÁCH TRÌNH BÀY**

**Điều 8. Yêu cầu về nội dung NHĐT**

1. Đề thi phải đánh giá được những kiến thức cơ bản, khả năng vận dụng và kỹ năng thực hành của thí sinh.

2. Đề thi phải bám sát chương trình đào tạo; Nội dung đề thi phải mang tính tổng hợp, bám sát và bao quát toàn bộ khối kiến thức, chương trình học của môn học, học phần, module đã được khoa, bộ môn hoặc Hiệu trưởng ký quyết định ban hành. Văn phong, số liệu, công thức và các biểu mẫu, hình ảnh phải chính xác, rõ ràng, không sai sót; các ký hiệu, thuật ngữ phải đảm bảo tính khoa học, chính xác và thống nhất.

3. Đề thi phải đảm bảo đánh giá và phân loại được trình độ của thí sinh, phù hợp với thời gian quy định cho mỗi môn thi.

4. Đề thi không được phép sai sót về nội dung, không ra đề thi ngoài chương trình, vượt chương trình, quá khó và quá phức tạp.

5. Đối với các môn thi được sử dụng tài liệu, Bộ môn phải thông báo trước cho sinh viên và cán bộ coi thi loại tài liệu được sử dụng và trên đề thi phải ghi rõ: Được phép sử dụng tài liệu.

**Điều 9: Cấu trúc đề thi**

**1. Đối với đề thi tốt nghiệp**

a. Các tiểu ban khi biên soạn NHCH phải xây dựng cấu trúc với mỗi đề thi tự luận tối thiểu 03 câu hỏi. (*mẫu 5 cấu trúc đề thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành*).

b. Thang điểm trong đề thi là thang điểm 10, nếu khác thang điểm 10 (đối với môn thực hành) thì khi chấm phải quy về được thang điểm 10.

c. Thời gian làm bài:

- Đối với môn thi lý thuyết: 150 phút hoặc 180 phút do Trưởng Ban đề thi quyết định

- Đối với môn thi thực hành: Do đặc thù từng ngành học nên thời gian do các khoa đăng ký trình Hiệu trưởng duyệt.

**2. Đối với thi kết thúc học phần, môn học, module**

a. Đề thi tự luận:

- Số lượng câu hỏi trong một đề thi tự luận tối thiểu 03 câu.

- Tổng số điểm của các câu hỏi trong đề thi phải đủ điểm 10, các ý nhỏ của mỗi câu được chấm lẻ đến 0,25 hoặc 0,5 điểm và phải được thể hiện trong đáp án chấm.

b. Đề thi trắc nghiệm:



- Đối với NHCH trắc nghiệm phải tuân thủ biên soạn các câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn gồm 4 phương án, chọn 1 phương án trả lời đúng.

- Mỗi lần tổ chức thi phải sử dụng tối thiểu là 05 mã đề thi để đảm bảo tính khách quan, tránh hiện tượng tiêu cực với số lượng câu hỏi mỗi đề thi đảm bảo tối thiểu 30 câu.

c. Đề thi vấn đáp: mỗi lần tổ chức thi phải sử dụng tối thiểu là 20 mã đề thi để đảm bảo tính khách quan, tránh hiện tượng tiêu cực.

d. Đề thi thực hành, ngoài đề thi, người ra đề phải có bản hướng dẫn cho bộ phận tổ chức thi về cách tổ chức thi theo đề thi của mình (việc chuẩn bị dụng cụ, thiết bị, thu bài...). (*mẫu 5, 6 cấu trúc đề thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành*).

e. Đáp án các câu hỏi trong đề thi lấy thang điểm 10, nếu khác thang điểm 10 thì khi chấm phải quy về thang điểm 10.

Không dùng nhiều hình thức thi trong cùng một đề thi. Trong trường hợp đặc biệt, nếu cần thiết phải sử dụng nhiều hình thức thì phải thống nhất với khoa và phòng QLKH&ĐBCL; người biên soạn phải tách các phần riêng biệt (đề thi làm riêng) và qui định rõ thời gian thi cho mỗi phần thi.

Trường hợp đặc biệt sẽ do Trưởng Bộ môn đề nghị và Hiệu trưởng quyết định.

\* Thời gian làm bài thi được ghi trên đề thi cụ thể như sau:

- Đề thi tự luận:

+ Đối với những học phần, môn học, module có số lượng tín chỉ (ĐVHT)  $\leq 3$ , thời gian làm bài tối thiểu là 60 phút và tối đa là 90 phút

+ Đối với những học phần, môn học, module có số lượng tín chỉ (ĐVHT)  $\geq 4$ , thời gian làm bài tối thiểu là 90 phút và tối đa là 120 phút.

- Đề thi trắc nghiệm: Thời gian làm bài của một đề thi là 45 phút hoặc 60 phút. Trưởng bộ môn phải thống nhất cấu trúc đề thi cho các học phần thuộc bộ môn mình quản lý (số câu hỏi, điểm số, thời gian làm bài...).

- Trắc nghiệm + tự luận: Trưởng bộ môn phải thống nhất phân bố thời gian hợp lý cho phần thi trắc nghiệm và tự luận.

- Đề thi vấn đáp: chuẩn bị từ 10 - 15 phút/HSSV, hỏi thi 7 - 10 phút/HSSV.

- Đề thi thực hành: Do trưởng Bộ môn xem xét đăng ký thời gian với khoa và nhà trường theo đặc thù từng ngành học.

- Đối với những trường hợp đặc biệt, khoa đề nghị Hiệu trưởng ra Quyết định.

## **Điều 10: Quy cách trình bày**

### **1. Đối với đề thi tốt nghiệp**

a. Đề thi, đáp án được biên soạn trình bày theo mẫu thống nhất (*Phụ lục - Mẫu 08: Đề thi TN lý thuyết, Mẫu 09: Đề thi TN thực hành, Mẫu 10: Đáp án thi TN*)

b. Đề thi được trình bày trên một mặt của giấy khổ A4 và được đánh số trang chính giữa phía dưới của trang gồm trang/tổng số trang.

## **2. Đối với đề thi kết thúc học phần, môn học, module (HPMHMĐ)**

a. Đề thi, đáp án được biên soạn trình bày theo mẫu thống nhất (*Phụ lục - Mẫu 12: Đề thi kết thúc HPMHMĐ tự luận; Mẫu 13: Đề thi kết thúc HPMHMĐ trắc nghiệm; Mẫu 14: Đề thi kết thúc HPMHMĐ vấn đáp; Mẫu 15: Đề thi kết thúc HPMHMĐ thực hành; Mẫu 16: Đáp án thi HPMHMĐ tự luận; Mẫu 17: Đáp án thi HPMHMĐ trắc nghiệm; Mẫu 18: Đáp án thi HPMHMĐ vấn đáp; Mẫu 19: Đáp án thi HPMHMĐ thực hành*)

b. Đề thi được trình bày trên một mặt của giấy khổ A4 và được đánh số trang chính giữa phía dưới của trang gồm trang/tổng số trang.

## **Chương II**

### **QUY TRÌNH XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG NGÂN HÀNG ĐỀ THI**

#### **Điều 11. Quy trình xây dựng đề thi, chọn, kiểm tra, in sao đóng gói đề thi tốt nghiệp**

**Bước 1:** Chủ tịch Hội đồng thi tốt nghiệp (HĐTTN) ra quyết định thành lập Ban Đề thi gồm: Trưởng ban đề thi, Thư ký, các ủy viên và các Tiểu ban Đề thi.

1. Đối với đề thi sử dụng Ngân hàng câu hỏi, đáp án:

a. Ban Thư ký Đề thi chuẩn bị cấu trúc đã có trong NHCH các môn thi tốt nghiệp và các tài liệu có liên quan của đợt thi (máy tính, máy in, phần mềm chọn số ngẫu nhiên...).

b. Trưởng ban Đề thi chỉ định các tiểu ban Đề thi biên soạn 03 đề thi và 03 đáp án đối với môn thi lý thuyết; 01 đề thi và 01 đáp án đối với môn thi thực hành theo các phương án đề thi đã được Ban Đề thi chọn số ngẫu nhiên trong NHCH dựa vào cấu trúc đã có.

2. Đối với đề thi không sử dụng NHCH: Trưởng ban Đề thi chỉ định các tiểu ban Đề thi biên soạn 05 đề thi và 05 đáp án đối với môn thi lý thuyết; 01 đề thi và 01 đáp án đối với môn thi thực hành theo cấu trúc mà khoa, tổ bộ môn xây dựng.

3. Đối với đề thi sử dụng NHCH của Tổng cục Dạy nghề (TCDN):

a. Đề thi lý thuyết tổng hợp (sử dụng 70% NHCH của TCDN, 30% NHCH của Trường):

- Thư ký chuẩn bị các mã đề thi của TCDN và của Trường.

- Thư ký bắt thăm ngẫu nhiên mã đề thi của TCDN với mã đề thi của Trường ghép lại thành 01 đề.

- Trưởng ban Đề thi chỉ định các tiểu ban Đề thi biên soạn 03 đề thi và 03 đáp án.

b. Đề thi thực hành nghề (sử dụng 100% ngân hàng đề của TCDN):

- Thư ký chuẩn bị các mã đề thi.

- Thư ký bắt thăm ngẫu nhiên các mã đề thi trong ngân hàng đề thi.

- Trưởng ban Đề thi chỉ định các tiểu ban Đề thi biên soạn 03 đề thi và 03 đáp án.

**Bước 2:** Trong thời hạn quy định của Trưởng ban Đề thi, Trưởng tiểu ban Đề thi và các thành viên tổ chức soạn, kiểm tra đề thi, đáp án và có ý kiến bằng văn bản về đề thi thuộc Tiểu ban mình phụ trách; Trưởng tiểu ban Đề thi và các cán bộ biên soạn phải họp lại để thống nhất ý kiến về những điểm cần sửa chữa, bổ sung (nếu có) (*Phụ lục - Mẫu 11: Biên bản KT đề thi, đáp án*).

**Bước 3:** Sau khi kiểm tra, thống nhất đề thi, đáp án, Tiểu ban Đề thi niêm phong đề thi, đáp án gồm bản cứng và file mềm có chữ ký niêm phong của các thành viên, Trưởng tiểu ban Đề thi bàn giao cho Thư ký ban Đề thi gồm đề thi, đáp án và Biên bản kiểm tra (*Phụ lục - Mẫu 21: Sổ giao nhận DT*).

**Bước 4:** Trưởng ban Đề thi chọn ngẫu nhiên một trong số các đề thi để làm đề thi cho kỳ thi. Các đề thi còn lại được lưu trữ để làm đề dự bị và đề thi lần 2.

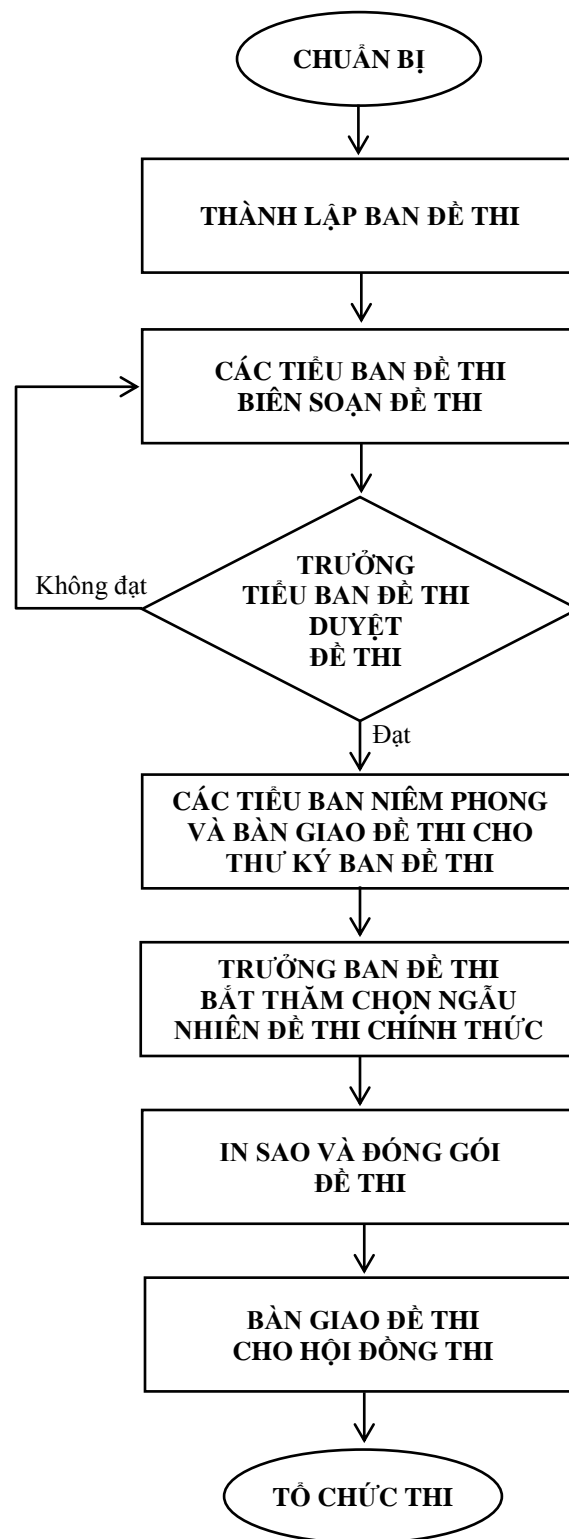
**Bước 5:** In sao đề thi

- Trưởng ban Đề thi giao cho thành viên ban Đề thi có nghiệp vụ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm chế bản thử, sau đó kiểm tra lại trước khi in sao chính thức;
- Trưởng ban Đề thi có trách nhiệm kiểm tra, duyệt bản in thử trước khi in;
- Trong quá trình in sao, Trưởng ban Đề thi phải kiểm tra chất lượng bản in.
- In sao dứt điểm từng đề thi theo số lượng HSSV đủ điều kiện dự thi từng ngành. Chỉ tiếp tục in sao đề thi khác sau khi đã kiểm tra khu vực in sao, thu dọn và giao cho Trưởng ban Đề thi mọi giấy tờ liên quan đến đề thi vừa làm trước đó;
- Tuyệt đối không sao, in đáp án đề thi trước khi thi xong môn đó (trừ đề thi thực hành);
- Các giấy tờ in sao hỏng phải cho vào túi đựng riêng và niêm phong theo quy định hoặc hủy trực tiếp tại máy hủy tài liệu;

**Bước 6:** Đóng gói đề thi

- Thư ký ban Đề thi nắm vững số lượng thí sinh của từng bậc, từng ngành để phân phối đề thi, ghi tên địa điểm thi, phòng thi và số lượng đề thi vào từng phong bì, sau đó giao cho người phụ trách đóng gói;
- Người đóng gói đề thi phải làm đúng quy cách thủ tục, bảo đảm đúng số lượng đề thi, đúng môn thi ghi ở phong bì đề thi, đủ số lượng đề thi cho từng phòng thi, không có tờ trắng, tờ hỏng;
- Túi đựng đề thi làm bằng giấy đủ kín, tối, được dán chặt, không bong mép và dán niêm phong theo quy định.
- Sau khi đóng gói xong đề thi từng môn, Thư ký ban Đề thi kiểm tra đủ số lượng túi đựng đề thi đã đóng gói và bàn giao cho Trưởng ban Đề thi quản lý, kể cả các bản in thừa, in hỏng, mờ, xấu, rách, bản đã bị loại ra.

## SƠ ĐỒ QUY TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ THI TỐT NGHIỆP



## **Điều 12. Quy trình xây dựng đề thi, chọn, kiểm tra, in sao đóng gói đề thi kết thúc học phần, môn học, module**

**Bước 1:** Sau khi được nghiệm thu và ban hành sử dụng ngân hàng câu hỏi đáp án, tiểu ban biên soạn bộ ngân hàng câu hỏi đáp án tiến hành biên soạn ngân hàng đề thi, đáp án với số lượng đề thi, đáp án cho các môn học, học phần như sau:

*DVT: đề thi*

TT	Nội dung	Số tín chỉ (học trình) quy định của học phần, môn học, module		
		1÷2	3	≥ 4
1.	NHCH trắc nghiệm	5	10	15
2.	NHCH tự luận	10	15	25
3.	NHCH vấn đáp	20	25	30

Đối với đề thi trắc nghiệm mỗi đề thi tối thiểu 05 mã đề.

Đối với đề thi trắc nghiệm kết hợp tự luận (đối với bộ môn tiếng anh) mỗi đề thi tối thiểu 5 mã đề.

**Bước 2:** Lựa chọn đề thi thi kết thúc học phần, môn học, module

a. Trưởng phòng QLKH&ĐBCL thành lập ban đề thi.

b. Trưởng ban đề thi chọn ngẫu nhiên câu hỏi, đề thi bằng phần mềm chọn số ngẫu nhiên để sử dụng làm đề thi chính thức kết thúc học phần, môn học, module.

**Bước 3:** Đối với việc in sao, đóng gói đề thi:

- Trưởng Ban đề thi giao cho thành viên trong ban mình phụ trách có tinh thần trách nhiệm chế bản thử, sau đó kiểm tra lại trước khi in sao chính thức;

- Trong quá trình in, Trưởng Ban đề thi phải kiểm tra chất lượng bản in.

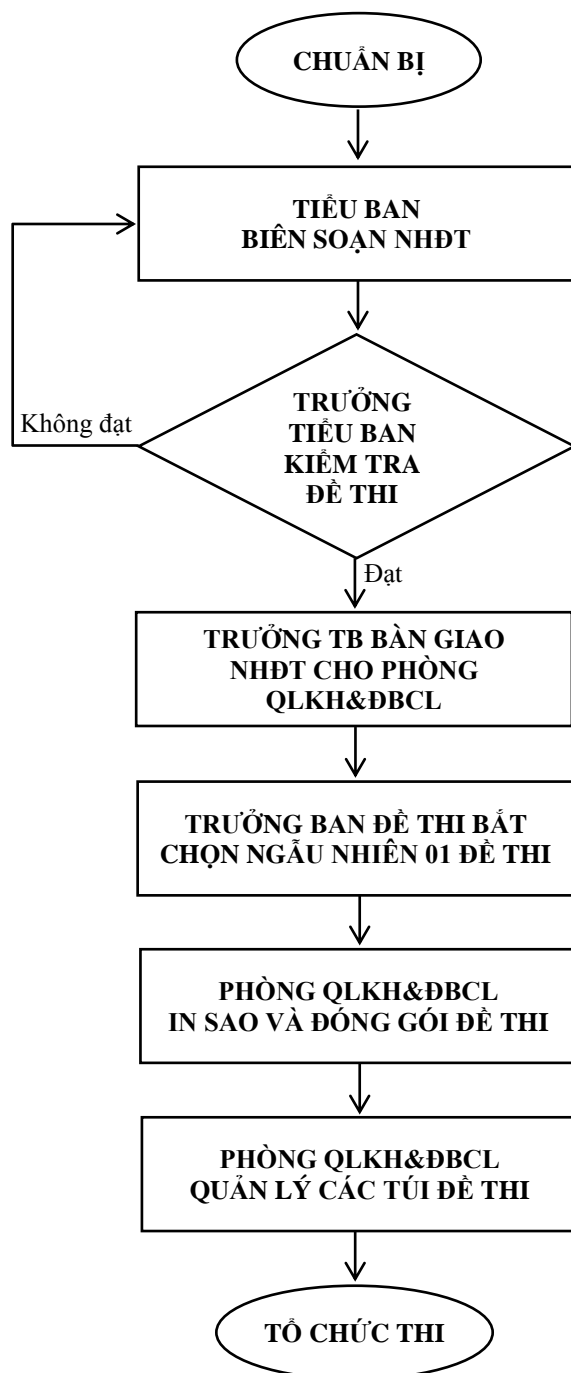
- Các giấy tờ in sao hồng phải cho vào túi đựng riêng và niêm phong theo quy định hoặc hủy trực tiếp tại máy hủy tài liệu;

- Các thành viên trong ban đề thi nắm vững số lượng HSSV dự thi của từng ngành, từng bậc đào tạo để phân phối đề thi, ghi tên địa điểm thi, phòng thi và số lượng đề thi vào từng phong bì, sau đó giao cho người phụ trách đóng gói;

- Người đóng gói đề thi phải làm đúng quy cách thủ tục, bảo đảm đúng số lượng đề thi, đúng môn thi ghi ở phong bì đề thi, đủ số lượng đề thi cho từng phòng thi, không có tờ trắng, tờ hồng;

- Túi đựng đề thi làm bằng giấy đủ kín, tối, được dán chặt, không bong mép và dán niêm phong theo quy định (*Phụ lục - Mẫu 22: Túi đựng đề thi*).

**SƠ ĐỒ QUY TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ THI  
KẾT THÚC HỌC PHẦN, MÔN HỌC, MODULE**



**Chương III**  
**ĐỊNH MỨC QUY ĐỔI NGÂN HÀNG ĐỀ THI**

**Điều 13. Quy đổi đề thi đáp án ra giờ chuẩn**

**1. Định mức khối lượng đề thi tốt nghiệp**

Định mức cho các khâu liên quan tới đề thi tốt nghiệp được quy đổi ra giờ chuẩn như sau:

*ĐVT: giờ chuẩn/đề/người*

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Cao đẳng</b>	<b>TCCN</b>	<b>Dạy nghề</b>
<b>1</b>	<b>Đề thi lý thuyết</b>			
1.1	Soạn đề thi tự luận có đáp án chi tiết, thời gian và thang điểm	1,5	1,25	1,25
1.2	Soạn đề thi trắc nghiệm có đáp án, thời gian và thang điểm	2,5	2,0	2,0
<b>2</b>	<b>Đề thi thực hành</b>			
	Soạn đề thi có đáp án chi tiết, thời gian và thang điểm, yêu cầu, điều kiện thực hiện	1,5	1,5	1,5

**2. Định mức khối lượng đề thi học phân, môn học, module**

*ĐVT: giờ chuẩn/đề/người*

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Cao đẳng</b>	<b>TCCN</b>	<b>Dạy nghề</b>
	<b>Đề thi lý thuyết</b>			
	Soạn đề thi tự luận có đáp án chi tiết, thời gian và thang điểm	1,0	1,0	1,0
	Soạn đề thi trắc nghiệm có đáp án, thời gian và thang điểm	1,25	1,25	1,25
	Soạn đề thi vấn đáp có đáp án, thời gian và thang điểm	0,1	0,1	0,1
	<b>Đề thi thực hành</b>			
	Soạn đề thi có đáp án chi tiết, thời gian và thang điểm, yêu cầu, điều kiện thực hiện	0,5	0,5	0,5

*Ghi chú:* + Đối với bậc Dạy nghề quy đổi giờ chuẩn trên chưa tính theo tỷ lệ câu hỏi của Bộ lao động thương binh và xã hội.

+ Giáo viên chịu trách nhiệm kiểm tra đề thi được tính giờ chuẩn tương đương giáo viên ra đề dựa vào biên bản kiểm tra đề thi.

**PHẦN THỨ TƯ**  
**KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

1. Việc biên soạn và quản lý NHCH, NHĐT được tính khi xét tiêu chí thi đua, khen thưởng cuối năm của cá nhân và tập thể.

2. Cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ được phân công biên soạn NHCH, NHĐT theo quy định biên soạn và quản lý NHCH, NHĐT (nội dung, hình thức, tiến độ thực hiện,...) chịu hình thức kỷ luật theo Quy định nội bộ hiện hành.

3. Các môn thi tốt nghiệp, các học phần, môn học, module có một hoặc nhiều giảng viên tham gia giảng dạy thì giảng viên, tổ trưởng bộ môn, khoa chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng.

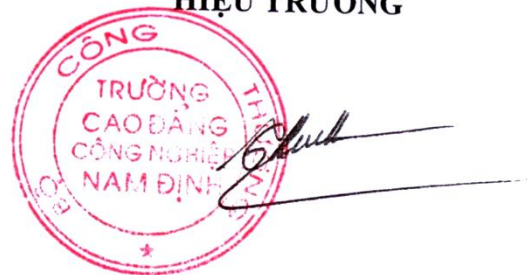
4. Cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (về nội dung, hình thức, chất lượng, tiến độ thực hiện,...) được khen thưởng theo Quy định nội bộ hiện hành.



**PHẦN THỨ NĂM**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Công việc xây dựng và sử dụng NHCH, NHĐT là công việc chung của Trường dưới sự điều hành và Quyết định của Hiệu trưởng.
2. Phòng QLKH&ĐBCL có nhiệm vụ lập Kế hoạch, tổ chức nghiệm thu, quản lý và lưu trữ NHCH, NHĐT.
3. Các Khoa, giảng viên được phân công có trách nhiệm tham gia và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NHCH, NHĐT.
4. Các phòng, khoa liên quan quán triệt quy định này tới từng cán bộ, giảng viên trong đơn vị, đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện để đảm bảo lộ trình.
5. Ưu tiên xây dựng NHCH, NHĐT các học phần, môn học, module được bố trí theo từng kỳ học, từng năm học của mỗi khoá học.
6. Hàng năm có thể bổ sung câu hỏi mới và có thể loại bỏ những câu hỏi cũ trong NHĐT không phù hợp với chương trình giảng dạy hiện hành (các Khoa đăng ký đề Hội đồng KH&ĐT nhà trường duyệt).
7. Các tiểu ban biên soạn NHĐT được Hội đồng nghiệm thu đánh giá “đạt” hoàn tất các thủ tục gửi về phòng QLKH&ĐBCL và gửi các đơn vị liên quan để quyết toán giờ giảng theo quy định.
8. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng đối với các bậc đào tạo thuộc Trường từ học kỳ II năm học 2013-2014.
9. Những Quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ. Trong quá trình thực hiện Quy định này, những vướng mắc phát sinh cần được kịp thời phản ánh tới Hiệu trưởng (thông qua phòng Quản lý khoa học và Đảm bảo chất lượng) để kịp thời xử lý./.

**HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Dương Tử Bình**

# PHỤ LỤC

BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH



**NGÂN HÀNG CÂU HỎI, ĐÁP ÁN THI TỐT NGHIỆP**

**TÊN MÔN:**

**BẬC:**

**NGÀNH ĐT:**

**SỐ ĐVHT:**

**Nam Định, năm 20...**

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH**

**CẤU TRÚC ĐỀ THI**

**Tên môn:** .....

**Ngành đào tạo:** .....

**Số ĐVHT:**.....

**Số chương:**.....

- + Kiểu đề thi: Tự luận hoặc thực hành
- + Thời gian làm bài: ..... phút
- + Đề gồm bao nhiêu câu, cụ thể như sau:

<b>Câu</b>	<b>Nội dung kiến thức</b>	<b>Thuộc Phần (nhóm)</b>	<b>Điểm</b>
<b>1</b>			
<b>2</b>			
<b>3</b>			
<b>4</b>			
<b>...</b>			

**Ghi chú:** Đề thi tự luận phải có tối thiểu là 04 câu và sử dụng thang điểm 10

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CÂU HỎI**

Tổng số câu hỏi: ..... câu

Trong đó:

- Loại Câu .... điểm: ..... câu
- Loại Câu .... điểm: ..... câu
- Loại Câu .... điểm: ..... câu

**CÂU HỎI**

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
<b>CÂU HỎI PHẦN (NHÓM) I: tổng số câu:.....</b>		
1		
2		
...		
<b>CÂU HỎI PHẦN (NHÓM) II: tổng số câu:.....</b>		
5		
6		
...		
<b>CÂU HỎI PHẦN (NHÓM) III: tổng số câu:.....</b>		
9		
10		
...		

**Ghi chú:** Câu hỏi đánh số thứ tự từ 1 đến hết

**ĐÁP ÁN - BIỂU ĐIỂM**

(Hình thức thi tự luận-thực hành)

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
<b>Câu 1</b> (... điểm)	<b>1 (...điểm)</b>	
	a.	...
	b.	...
	c...	...
	<b>2 (...điểm)</b>	
<b>Câu 2</b> (... điểm)		

Nam Định, ngày .... tháng .... năm 20....

KHOA .....  
(ký và ghi rõ họ tên)

TỔ BỘ MÔN  
(ký và ghi rõ họ tên)

GV BIÊN SOẠN  
(ký và ghi rõ họ tên)

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH**



**NGÂN HÀNG CÂU HỎI, ĐÁP ÁN**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**

**HỌC PHẦN:**

**BẠC:**

**NGÀNH:**

**SỐ TÍN CHỈ:**

*(Ghi chú: Đối với môn học, module thay đổi thông tin cho phù hợp)*

**Nam Định, năm 20..**

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH**

**CẤU TRÚC ĐỀ THI**

**Học phần:** .....

**Ngành đào tạo:** .....

**Số Tín chỉ:**.....

**Số chương:**.....

+ Kiểu đề thi: Tự luận, hoặc thực hành, hoặc vấn đáp

+ Thời gian làm bài: ..... phút

+ Đề gồm bao nhiêu câu, điểm/câu cụ thể như sau:

<b>Câu</b>	<b>Nội dung kiến thức</b>	<b>Thuộc Phần (nhóm)</b>	<b>Điểm</b>
<b>1</b>			
<b>2</b>			
<b>3</b>			
<b>4</b>			
<b>...</b>			

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CÂU HỎI**

Tổng số câu hỏi: ..... câu

Trong đó:

- Loại Câu .... điểm: ..... câu

- Loại Câu .... điểm: ..... câu

- Loại Câu .... điểm: ..... câu

Mẫu 06: Cấu trúc thiết lập đề thi trắc nghiệm thi kết thúc HPMHMD

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH**

**CẤU TRÚC ĐỀ THI**

**Học phần:** .....

**Ngành đào tạo:** .....

**Số Tín chỉ:**.....

**Số chương:**.....

+ Kiểu đề thi: Trắc nghiệm

+ Thời gian làm bài: ..... phút

+ Đề gồm bao nhiêu câu, điểm/câu cụ thể như sau:

TT	Nội dung kiến thức	Thuộc Phần (nhóm)	Số lượng câu	Điểm
1				
2				
3				
4				
...				

**Ghi chú:** Đề thi sử dụng thang điểm 10 hoặc 100  
Bỏ cột điểm nếu các câu có điểm như nhau

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CÂU HỎI**

Tổng số câu hỏi: ..... câu

Trong đó:

- Loại Câu .... điểm: ..... câu

- Loại Câu .... điểm: ..... câu

- Loại Câu .... điểm: ..... câu



### CÂU HỎI

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
<b>CÂU HỎI PHẦN (NHÓM) I: tổng số câu:.....</b>		
1		
2		
...		
<b>CÂU HỎI PHẦN (NHÓM) II: tổng số câu:.....</b>		
5		
6		
...		

**Ghi chú:** Câu hỏi đánh số thứ tự từ 1 đến hết

### ĐÁP ÁN - BIỂU ĐIỂM

(Hình thức thi tự luận-thực hành)

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
<b>Câu 1</b> (... điểm)	<b>1 (...điểm)</b>	
	a.	...
	b.	...
	c...	...
	<b>2 (...điểm)</b>	
<b>Câu 2</b> (... điểm)		

### ĐÁP ÁN - BIỂU ĐIỂM

(Hình thức thi trắc nghiệm)

Câu	Đáp án	Điểm	Câu	Đáp án	Điểm
1			n		
2			z		

**Ghi chú:** Bỏ cột điểm nếu các câu trong bộ câu hỏi điểm như nhau

Nam Định, ngày .... tháng .... năm 20....

KHOA ..... TỒ BỘ MÔN GV BIÊN SOẠN  
(ký và ghi rõ họ tên) (ký và ghi rõ họ tên) (ký và ghi rõ họ tên)

BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP  
NAM ĐỊNH

ĐỀ THI CHÍNH THỨC  
(Đề thi gồm ..... trang)

Mẫu 08: Đề thi TN lý thuyết

ĐỀ THI TỐT NGHIỆP NĂM 20...  
MÔN .....  
CHUYÊN NGÀNH .....  
BẠC .....

Thời gian làm bài: ... phút, không kể thời gian phát đề

(font chữ: Times New Roman; Cỡ chữ: 13 hoặc 14; Kiểu chữ: Regular)  
(Tùy theo dung lượng đề dẫn dòng cho phù hợp)

**Câu 1 (... điểm)**

.....  
.....

**Câu 2 (... điểm)**

.....  
.....

**Câu 3 (... điểm)**

.....  
.....

**Câu 4 (... điểm)**

.....  
.....

**Câu 5 (... điểm)**

.....  
.....

----- **HẾT** -----

**Ghi chú:** - Ghi rõ SVHS được sử dụng hay không được sử dụng tài liệu.  
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP  
NAM ĐỊNH**

**ĐỀ THI CHÍNH THỨC**  
(Đề thi gồm.....trang)

Mẫu 09: Đề thi TN thực hành

**ĐỀ THI TỐT NGHIỆP NĂM 20...  
MÔN THI THỰC HÀNH  
CHUYÊN NGÀNH .....  
BẠC .....**

Thời gian làm bài: .....

(font chữ: Times New Roman; Cỡ chữ: 13 hoặc 14; Kiểu chữ: Regular)  
(Tùy theo dung lượng đề dẫn dòng cho phù hợp)

**1. Đề thi:**

.....  
.....

**2. Yêu cầu thực hiện**

- .....
- .....
- .....

**3. Điều kiện thực hiện**

- .....
- .....

----- **HẾT** -----

**Ghi chú:** - Ghi rõ SVHS được sử dụng hay không được sử dụng tài liệu.  
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP  
NAM ĐỊNH

**ĐÁP ÁN**  
**ĐỀ THI TỐT NGHIỆP NĂM 20...**  
**MÔN THI .....**  
**CHUYÊN NGÀNH .....**  
**BẬC .....**

(Đáp án đề thi gồm.....trang)

(font chữ: Times New Roman; Cỡ chữ: 13 hoặc 14; Kiểu chữ: Regular)  
(Tùy theo dung lượng đề dẫn dòng cho phù hợp)

<b>Câu hỏi</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Điểm</b>
<b>Câu 1</b> <b>(... điểm)</b>	<b>1 (...điểm)</b>	
	a.	...
	b.	...
	c...	...
	<b>2 (...điểm)</b>	
	a.	...
	b.	...
	c...	...
<b>Câu 2</b> <b>(... điểm)</b>		
<b>3</b>		
<b>Cộng điểm</b>		<b>...</b>

----- HẾT -----

BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP  
NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BIÊN BẢN

V/v kiểm tra đề thi, đáp án thi tốt nghiệp năm học 20.. - 20..

### I. Thông tin chung

1. Thời gian: .....
2. Địa điểm: .....

### II. Thành phần

#### 1. Trưởng tiểu ban Đề thi

- Họ và tên: ..... Chức vụ: .....
- Đơn vị: ..... Số điện thoại: .....

#### 2. Giáo viên biên soạn

- Họ và tên: ..... Chức vụ: .....
- Đơn vị: ..... Số điện thoại: .....

#### 3. Giáo viên biên soạn

- Họ và tên: ..... Chức vụ: .....
- Đơn vị: ..... Số điện thoại: .....

### III. Nội dung:

Tiến hành kiểm tra, đánh giá đề thi tốt nghiệp:

Ngành học: ..... Bậc học: .....

Môn thi: ..... Khóa: .....

Hình thức thi: ..... Thời gian thi: .....

Kết quả kiểm tra, đánh giá như sau:

#### 1. Nội dung, cấu trúc, quy cách:

.....  
.....  
.....

#### 2. Những tồn tại, phải bổ sung, chỉnh sửa: (về cách trình bày, nội dung, cấu trúc đề thi cụ thể đã được chọn, ...)

.....  
.....

#### 3. Kết luận: (có đạt yêu cầu để sử dụng hay không, nếu không đề xuất phương án chỉnh sửa)

.....  
.....

Tiểu ban kiểm tra, đánh giá đề thi kết thúc vào hồi.....

Nam Định, ngày ..... tháng .... năm 20..

**TRƯỞNG TIỂU BAN ĐỀ THI**

(ký và ghi rõ họ tên)

**GV THỨ NHẤT**

(ký và ghi rõ họ tên)

**GV THỨ HAI**

(ký và ghi rõ họ tên)

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH**

**ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN, MÔN HỌC, MODULE  
HÌNH THỨC THI TỰ LUẬN**

Đề số: .....

Bậc đào tạo: ..... Ngành: .....

Học kỳ:..... Năm học: .....

Lớp: ..... Học phần, môn học, module: ..... Ngày thi: .....

Khóa: ..... Số tín chỉ (ĐVHT):..... Thời gian thi: .....

(Đề thi gồm.....trang)

**NỘI DUNG**

(font chữ: Times New Roman; Cỡ chữ: 13 hoặc 14; Kiểu chữ: Regular)

(Tùy theo dung lượng đề dẫn dòng cho phù hợp)

**Câu 1 (... điểm)**

.....  
.....

**Câu 2 (... điểm)**

.....  
.....

**Câu 3 (... điểm)**

.....  
.....

**Câu 4 (... điểm)**

.....  
.....

----- **HẾT** -----

**Ghi chú:** - Ghi rõ SVHS được sử dụng hay không được sử dụng tài liệu.  
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁO VIÊN SOẠN ĐỀ**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH**

**ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN, MÔN HỌC, MODULE  
HÌNH THỨC THI TRẮC NGHIỆM**

Đề số: .....

Mã: .....

Bậc đào tạo: ..... Ngành: .....

Học kỳ:..... Năm học: .....

Lớp: ..... Học phần, môn học, module: ..... Ngày thi: .....

Khóa: ..... Số tín chỉ (ĐVHT):..... Thời gian thi: .....

(Đề thi gồm.....trang)

**NỘI DUNG**

(font chữ: Times New Roman; Cỡ chữ: 13 hoặc 14; Kiểu chữ: Regular)

(Tùy theo dung lượng đề dẫn dòng cho phù hợp)

*Hãy lựa chọn đáp án đúng trong các câu sau: (mỗi câu đúng ..... điểm)*

**Câu 1:** .....

a.....

b.....

c.....

d.....

**Câu 2:**

a.....

b.....

c.....

d.....

.....

----- **HẾT** -----

**Ghi chú:** - Ghi rõ SVHS được sử dụng hay không được sử dụng tài liệu.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**

(ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁO VIÊN SOẠN ĐỀ**

(ký và ghi rõ họ tên)

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH**

**ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN, MÔN HỌC, MODULE  
HÌNH THỨC THI VẤN ĐÁP**

Đề số: .....

Bậc đào tạo: ..... Ngành: .....

Mã đề: .....

Học kỳ:..... Năm học: .....

Lớp: ..... Học phần, môn học, module: ..... Ngày thi: .....

Khóa: ..... Số tín chỉ (ĐVHT):..... Thời gian thi: .....

(Đề thi gồm.....trang)

**NỘI DUNG**

(font chữ: Times New Roman; Cỡ chữ: 13 hoặc 14; Kiểu chữ: Regular)

(Tùy theo dung lượng đề dẫn dòng cho phù hợp)

**Câu 1:**

.....  
.....

**Câu 2:**

.....  
.....

----- **HẾT** -----

**Ghi chú:** - Ghi rõ SVHS được sử dụng hay không được sử dụng tài liệu.  
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁO VIÊN SOẠN ĐỀ**  
(ký và ghi rõ họ tên)



**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH**

**ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN, MÔN HỌC, MODULE  
HÌNH THỨC THI THỰC HÀNH**

Đề số: .....

**Bậc đào tạo:** ..... **Ngành:** .....

**Học kỳ:**..... **Năm học:** .....

Lớp: ..... Học phần, môn học, module: ..... Ngày thi: .....

Khóa: ..... Số tín chỉ (ĐVHT):..... Thời gian thi: .....

(Đề thi gồm.....trang)

(font chữ: Times New Roman; Cỡ chữ: 13 hoặc 14; Kiểu chữ: Regular)

(Tùy theo dung lượng đề dẫn dòng cho phù hợp)

**1. Đề thi:**

.....  
.....

**2. Yêu cầu thực hiện**

- .....
- .....
- .....

**3. Điều kiện thực hiện**

- .....
- .....

----- **HẾT** -----

**Ghi chú:** - Ghi rõ SVHS được sử dụng hay không được sử dụng tài liệu.  
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁO VIÊN SOẠN ĐỀ**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH**

**ĐÁP ÁN  
ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN, MÔN HỌC, MODULE  
HÌNH THỨC THI TỰ LUẬN**

Đáp án đề số: .....

Bậc đào tạo: ..... Ngành: .....

Học kỳ:..... Năm học: .....

Lớp: ..... Học phần, môn học, module: ..... Ngày thi: .....

Khóa: ..... Số tín chỉ (ĐVHT):..... Thời gian thi: .....

(Đáp án đề thi gồm.....trang)

(font chữ: Times New Roman; Cỡ chữ: 13 hoặc 14; Kiểu chữ: Regular)

(Tùy theo dung lượng đề dẫn dòng cho phù hợp)

<b>Câu hỏi</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Điểm</b>
<b>Câu 1</b> (... điểm)	<b>1 (...điểm)</b>	
	a.	...
	b.	...
	c...	...
	<b>2 (...điểm)</b>	
	a.	...
	b.	...
	c...	...
	<b>Câu 2</b> (... điểm)	
<b>3</b>		
<b>Cộng điểm</b>		...

----- HẾT -----

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁO VIÊN SOẠN ĐÁP ÁN**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH**

**ĐÁP ÁN  
ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN, MÔN HỌC, MODULE  
HÌNH THỨC THI TRẮC NGHIỆM**

Đáp án đề số: .....

Bậc đào tạo: ..... Ngành: .....

Học kỳ:..... Năm học: .....

Lớp: ..... Học phần, môn học, module: ..... Ngày thi: .....

Khóa: ..... Số tín chỉ (ĐVT):..... Thời gian thi: .....

(Đáp án đề thi gồm.....trang)

(font chữ: Times New Roman; Cỡ chữ: 13 hoặc 14; Kiểu chữ: Regular)

(Tùy theo dung lượng đề dẫn dòng cho phù hợp)

Câu hỏi	Mã đề kiểm tra					
	01	02	03	04	05	....
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
...						

Câu hỏi	Mã đề kiểm tra					
	01	02	03	04	05	....
...						

----- **HẾT** -----

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁO VIÊN SOẠN ĐÁP ÁN**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH**

**ĐÁP ÁN  
ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN, MÔN HỌC, MODULE  
HÌNH THỨC THI VẤN ĐÁP**

Đáp án đề số: .....

**Bậc đào tạo:** ..... **Ngành:** .....

**Học kỳ:**..... **Năm học:** .....

Lớp: ..... Học phần, môn học, module: ..... Ngày thi: .....

Khóa: ..... Số tín chỉ (ĐVHT):..... Thời gian thi: .....

(Đáp án đề thi gồm.....trang)

(font chữ: Times New Roman; Cỡ chữ: 13 hoặc 14; Kiểu chữ: Regular)

(Tùy theo dung lượng đề dẫn dòng cho phù hợp)

<b>Câu hỏi</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Điểm</b>
<b>Câu 1</b> (... điểm)	<b>1 (...điểm)</b>	
	a.	...
	b.	...
	c...	...
	<b>2 (...điểm)</b>	
	a.	...
	b.	...
	c...	...
<b>Câu 2</b> (... điểm)		
<b>3</b>		
<b>Cộng điểm</b>		...

----- **HẾT** -----

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁO VIÊN SOẠN ĐÁP ÁN**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH**

**ĐÁP ÁN  
ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN, MÔN HỌC, MODULE  
HÌNH THỨC THI THỰC HÀNH**

Đáp án đề số: .....

**Bậc đào tạo:** ..... **Ngành:** .....

**Học kỳ:**..... **Năm học:** .....

Lớp: ..... Học phần, môn học, module: ..... Ngày thi: .....

Khóa: ..... Số tín chỉ (ĐVHT):..... Thời gian thi: .....

(Đáp án đề thi gồm.....trang)

(font chữ: Times New Roman; Cỡ chữ: 13 hoặc 14; Kiểu chữ: Regular)

(Tùy theo dung lượng đề dẫn dòng cho phù hợp)

**NỘI DUNG**

Họ tên thí sinh	Đơn vị	Nội dung	Điểm

**Phần hướng dẫn**

Phần thí sinh thi	Điểm đạt được lớn nhất	Điểm đạt được thực tế
1 Chuẩn bị dụng cụ, ...		
1.1 ...		
1.2 ...		
2 Kỹ thuật, thực hiện trình tự...		
3 Thao tác, an toàn lao động....		
<b>Tổng số điểm</b>		

**Thời gian**

Thời gian làm quen		Thời gian thi		Thời gian nghỉ giải lao			
Bắt đầu		Bắt đầu		Bắt đầu			
Kết thúc		Kết thúc		Kết thúc			

**Chữ ký của Giám khảo**

1	2	3	4

<b>1</b>	<b>Chuẩn bị dụng cụ, .....</b>	<b>Có</b>	<b>Không</b>	<b>Thực tế</b>	<b>Ghi chú</b>
1.1.	Chuẩn bị dụng cụ ...				
1.2.	...				
<b>Tổng</b>					
<b>2</b>	<b>Kỹ thuật</b>	<b>Có</b>	<b>Không</b>	<b>Thực tế</b>	<b>Ghi chú</b>

2.1.					
2.2.					
2.3.					
<b>Tổng</b>					
<b>3</b>	<b>Thao tác, an toàn lao động</b>	<b>Có</b>	<b>Không</b>	<b>Thực tế</b>	<b>Ghi chú</b>
3.1.	Thao tác đúng theo trình tự				
3.2.	Đảm bảo an toàn động				
<b>Tổng</b>					

### Bảng báo cáo thí sinh

Nội dung: .....

.....

.....

.....

.....

### DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ, VẬT TƯ PHỤC VỤ THI

TT	Tên thiết bị, vật tư	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
<b>I.</b>	<b>Thiết bị</b>			
1				
2				
<b>II</b>	<b>Dụng cụ</b>			
1				
2				
<b>III</b>	<b>Vật tư</b>			
1				
2				
<b>IV</b>	<b>Trang bị bảo hộ lao động</b>			
1				

----- HẾT -----

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁO VIÊN SOẠN ĐÁP ÁN**  
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP  
NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BIÊN BẢN

V/v kiểm tra đề thi, đáp án thi kết thúc học phần, môn học, module  
Học kì .... Năm học 20.. - 20..

### I. Thông tin chung

1. Thời gian: .....
2. Địa điểm: .....

### II. Thành phần

#### 1. Trưởng bộ môn

- Họ và tên: ..... Chức vụ: .....
- Đơn vị: ..... Số điện thoại: .....

#### 2. Giáo viên biên soạn

- Họ và tên: ..... Chức vụ: .....
- Đơn vị: ..... Số điện thoại: .....

### III. Nội dung:

Tiến hành kiểm tra, đánh giá đề thi:

- Tên kì thi: ..... Ngành học: ..... Bậc học: .....
- Tên học phần (môn học): ..... Số tín chỉ (ĐVHT): .....
- Lớp: ..... Khóa: ..... Năm học: .....
- Lần thi thứ: ..... Hình thức thi: ..... Thời gian thi: .....

Kết quả kiểm tra, đánh giá như sau:

#### 1. Nội dung, cấu trúc, quy cách:

.....  
.....  
.....

#### 2. Những tồn tại, phải bổ sung, chỉnh sửa: (về cách trình bày, nội dung, cấu trúc đề thi cụ thể đã được chọn, ...)

.....  
.....  
.....

#### 3. Kết luận: (có đạt yêu cầu để sử dụng hay không, nếu không đề xuất phương án chỉnh sửa)

.....  
.....

Bộ môn kiểm tra, đánh giá đề thi kết thúc vào hồi.....

Nam Định, ngày ..... tháng .... năm 20..

**TRƯỞNG BỘ MÔN**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**GV BIÊN SOẠN**  
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH



**SỔ GIAO NHẬN ĐỀ THI**  
**PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**






## TÚI ĐỰNG TÚI ĐỀ THI GÓC

Kích thước: 15 cm x 30 cm

Vật liệu: Giấy xi măng (60-80 g/m<sup>2</sup>)

Quy cách: Túi ngang


30	
	BỘ CÔNG THƯƠNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH Tel: 0350.581 – Fax: 0350.3843 051 – Email: <a href="mailto:nicol@mail.vnn.vn">nicol@mail.vnn.vn</a> – Website: <a href="http://cnd.edu.vn">cnd.edu.vn</a>
ĐỀ THI MÔN:..... KỶ THI: ..... NĂM HỌC: ..... NGÀNH: ..... HỆ ĐÀO TẠO: .....	
15	

## TÚI ĐỰNG TÚI ĐỀ THI IN SAO

Kích thước: 35cm x 45cm

Vật liệu: Giấy xi măng (60-80 g/m<sup>2</sup>)

Qui cách: Túi dọc

35	
	BỘ CÔNG THƯƠNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH
Túi số: .....	
<b>TÚI ĐỰNG ĐỀ THI</b>	
Năm học: .....	
Kỳ thi: .....	
Môn thi: .....	
Phòng thi số: .....	
Số lượng đề thi: .....	
Ngày thi: .....	
45	